

Số: 7633/BKHĐT-TH

Hà Nội, ngày 20 tháng 9 năm 2024

V/v thẩm định dự thảo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025

Kính gửi: Bộ Tư pháp.



Căn cứ Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, thực hiện Nghị quyết số 974/2020/UBTVQH14 ngày 13/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 6 năm 2024, thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 08/8/2024 về việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 và văn bản số 380/TTg-KTTH ngày 10/6/2024 về việc xây dựng nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp với các bộ, cơ quan trung ương và địa phương xây dựng dự thảo Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030, đồng thời đăng tải toàn văn dự thảo Nghị quyết trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ, Cổng Thông tin điện tử Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xin gửi Quý Bộ hồ sơ Dự thảo Nghị quyết nêu trên để thẩm định trước khi trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định trước khi triển khai các bước tiếp theo, hồ sơ bao gồm:

- 1. Dự thảo Tờ trình Chính phủ về Dự thảo Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030.*
- 2. Dự thảo Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030.*
- 3. Bản tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương về Dự thảo Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030.*
- 4. Dự thảo Báo cáo đánh giá tác động của chính sách.*
- 5. Văn bản tham gia ý kiến của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương có liên quan.*

Đề nghị Bộ Tư pháp thực hiện thẩm định và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 24 tháng 9 năm 2024 để tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý Bộ. / 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Phó Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Hòa Bình (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Lưu VT, Vụ TH 

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Quốc Phương

Số: /TTr-BKHĐT

Hà Nội, ngày tháng 9 năm 2024

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030

Kính gửi: Chính phủ.

Căn cứ Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, thực hiện Nghị quyết số 974/2020/UBTVQH14 ngày 13/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, để có cơ sở xây dựng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030, sau khi tổng hợp, tiếp thu ý kiến của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Chính phủ dự thảo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030 như sau:

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ, CHỈ ĐẠO CỦA CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ:

- Tại khoản 2 Điều 51 Luật Đầu tư công quy định nguyên tắc bố trí vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm cho chương trình, dự án phải tuân thủ nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn được cấp có thẩm quyền quyết định.
- Tại khoản 5 Điều 20 Luật Ngân sách nhà nước quy định Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách nhà nước.
- Tại Điều 1 Nghị quyết số 974/2020/UBTVQH14 ngày 13/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định Chính phủ xây dựng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước (bao gồm chi đầu tư phát triển vốn ngân sách nhà nước và chi thường xuyên) đối với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành.
- Tại Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 6 năm 2024 và Hội nghị trực tuyến Chính phủ với địa phương, Chính phủ đã giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, các bộ, cơ quan, địa phương liên quan trình Chính phủ xem xét, quyết định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công giai đoạn 2026-2030.

5. Tại văn bản số 380/TTg-KTTH ngày 10/6/2024, Thủ tướng Chính phủ đã yêu cầu Bộ Kế hoạch và Đầu tư khẩn trương chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các bộ, cơ quan, địa phương liên quan: *“Xây dựng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030, báo cáo Chính phủ trước ngày 20 tháng 6 năm 2024 để cho ý kiến trước khi trình cấp có thẩm quyền quyết định theo đúng quy định của Luật đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và Nghị quyết số 974/2020/UBTVQH ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; trong đó quy định ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho các địa phương phải tập trung đầu tư vào các công trình, dự án lớn, có tính liên vùng, liên quốc gia, quốc tế, mang tính lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương, vùng, quốc gia, bảo đảm trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả, kiên quyết khắc phục tình trạng manh mún, dàn trải, kém hiệu quả; ngân sách địa phương tập trung đầu tư vào các công trình, dự án có tính liên tỉnh, liên huyện và dứt khoát không dàn trải, manh mún, phải có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả, có tính lan tỏa cao”*.

6. Tại Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 08/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 đã chỉ đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan: *“Xây dựng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030, trình cấp có thẩm quyền theo quy định trước ngày 20 tháng 9 năm 2024”*.

II. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 973/2020/UBTVQH14 CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI:

1. Công tác ban hành văn bản hướng dẫn triển khai Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14, trong đó:

a) Về đối tượng, phạm vi, nguyên tắc phân bổ vốn cụ thể cho các nhiệm vụ, dự án theo ngành, lĩnh vực bảo đảm tính tập trung, khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, đẩy mạnh cơ cấu lại đầu tư công, giữ vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương trong cân đối ngân sách nhà nước, tăng cường phân cấp, phân quyền cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương trong việc lập, phân bổ vốn. Vốn đầu tư công được bố trí theo 13 ngành, lĩnh vực tương ứng với quy định của Luật Ngân sách nhà nước; ngoài ra, bố trí cho 03 Chương trình mục tiêu quốc gia là Xây dựng nông thôn mới, Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Giảm nghèo bền vững.

b) Đối với ngân sách trung ương (NSTW):

(i) Dành tối đa không quá 30% để bổ sung có mục tiêu cho địa phương và được phân bổ theo ngành, lĩnh vực theo cơ chế xác định điểm số của từng tiêu chí cụ thể.

(ii) Số vốn còn lại:

- Phân bổ cho bộ, cơ quan trung ương theo 13 ngành, lĩnh vực.

- Dành nguồn lực để phân bổ cho các nhiệm vụ, chương trình, dự án cụ thể bao gồm: 03 Chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia, chương trình, dự án kết nối, có tác động liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, bảo vệ chăm sóc sức khỏe nhân dân, nhiệm vụ quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, nghĩa vụ thanh toán của ngân sách trung ương, các chính sách khác sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương theo quy định của pháp luật.

c) Đối với ngân sách địa phương (NSDP), vốn được phân bổ theo 13 ngành, lĩnh vực tương ứng với quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Tình hình triển khai, kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế trong thực hiện Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14:

a) Về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025:

(i) Tổng mức kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 được Quốc hội quyết nghị là **2.870.000 tỷ đồng**, gồm: vốn NSTW là 1.500.000 tỷ đồng, vốn NSDP là 1.370.000 tỷ đồng.

Đến nay, kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thực tế được phân bổ để triển khai một số nội dung chủ yếu như sau:

- Bố trí đủ **102.050 tỷ đồng** cho 03 Chương trình mục tiêu quốc gia.

- Dành nguồn lực trên **329.902 tỷ đồng** để triển khai các dự án quan trọng quốc gia, dự án trọng điểm, quan trọng, đường cao tốc, dự án lớn, dự án có tính chất lan tỏa, kết nối, liên kết vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững (bao gồm: đầu tư 09 dự án quan trọng quốc gia với số vốn là 193.077 tỷ đồng; đầu tư 104 dự án đường bộ cao tốc, dự án trọng điểm, liên kết vùng với số vốn là 136.825 tỷ đồng).

- Trong 13 ngành, lĩnh vực, ngân sách trung ương tập trung bố trí cao nhất cho các hoạt động kinh tế (chiếm 74%), trong đó ngành giao thông vận tải chiếm 53,4%, ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn là 11,4%; tiếp theo là các ngành: quốc phòng (7,7%), an ninh (2,9%), khoa học công nghệ (1,8%), giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp (3,8%), y tế, dân số và gia đình (3,2%);...

(ii) Lũy kế vốn kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước hằng năm đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương đến nay là 2.378.762 tỷ đồng, gồm:

- Vốn NSTW là 951.888 tỷ đồng (vốn trong nước là 816.915 tỷ đồng, vốn nước ngoài là 134.973 tỷ đồng);

- Vốn NSDP là 1.426.874 tỷ đồng.

Về giải ngân: Lũy kế giải ngân đến hết năm 2024 dự kiến là 2.341.329 tỷ đồng (đạt 98,4% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao), gồm:

- Vốn trong nước là 795.293 tỷ đồng, đạt 97,4% kế hoạch, vốn nước ngoài là 71.165 tỷ đồng, đạt 52,7% kế hoạch;

- Vốn ngân sách địa phương là 1.474.871 tỷ đồng, đạt 103,4% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao¹.

b) Về kết quả đạt được:

(1) Tạo cơ sở pháp lý thống nhất, đồng bộ và hoàn chỉnh để nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác phân bổ và sử dụng vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025. Việc quy định về thứ tự ưu tiên phân bổ vốn giúp các bộ, cơ quan trung ương và địa phương có cơ sở sắp xếp, dự kiến phương án bố trí vốn hợp lý trong phạm vi kế hoạch đầu tư công được giao.

Các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn rõ ràng, cụ thể phù hợp với các quy định của Luật Đầu tư công và Luật Ngân sách nhà nước. Việc phân bổ vốn đầu tư công theo 13 ngành, lĩnh vực, trong đó việc quy định cụ thể ngành, lĩnh vực tạo thuận lợi để xác định tính chất và phân bổ vốn cho dự án (giai đoạn 2016-2020 có 20 ngành, lĩnh vực vừa không đồng nhất với quy định của Luật Ngân sách nhà nước, vừa chưa bao quát được hết các ngành, lĩnh vực sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước).

(2) Với việc phân bổ vốn theo các nguyên tắc, tiêu chí, định mức tại Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH đã cơ bản bảo đảm tính công khai, minh bạch, tăng tính khả thi khi triển khai; góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

(3) Khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, phân tán, góp phần nâng cao hiệu quả đầu tư theo đúng mục tiêu, định hướng của chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

- Tổng số dự án đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách trung ương là **4.578 dự án** (kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2011-2015 có khoảng 19.000 dự án, giai đoạn 2016-2020 có khoảng 12.000 dự án), trong đó

¹ Giải ngân vốn ngân sách địa phương cao hơn kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao do các địa phương giao thêm kế hoạch đầu tư công nguồn NSDP theo phân cấp thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh.

số dự án khởi công mới 2.340 dự án, trung bình vốn bố trí cho 01 dự án là khoảng **300 tỷ đồng**.

- Giảm tối đa số lượng chương trình mục tiêu, cụ thể: kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 có 21 chương trình mục tiêu, trong khi kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 chỉ còn tập trung cho 03 Chương trình mục tiêu quốc gia.

(4) Trên cơ sở nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công tại Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14, NSTW đã tập trung nguồn lực lớn để triển khai những nhiệm vụ lớn, trọng tâm, trọng điểm để tạo ra những “quả đấm thép” trong hoàn thiện cơ sở hạ tầng. Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã dành **gần 30% tổng vốn ngân sách trung ương (trên 329.902 tỷ đồng)** để triển khai các dự án quan trọng quốc gia, dự án trọng điểm, quan trọng, đường cao tốc, dự án lớn, dự án có tính chất lan tỏa, kết nối, liên kết vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững. Một số kết quả cụ thể như hoàn thành khoảng hơn 2.000km đường cao tốc, đến 2025 sẽ đạt khoảng 3.000km; cơ bản hoàn thành cao tốc Bắc - Nam, đưa vào khai thác tuyến đường sắt đô thị Cát Linh - Hà Đông, Bến Thành - Suối Tiên; luồng vào cảng Cái Mép - Thị Vải; hoàn thành một số cảng hàng không quan trọng, triển khai dự án cảng hàng không quốc tế Long Thành...

(5) Với việc ưu tiên bố trí vốn để xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản, thu hồi vốn ứng trước còn dư, giai đoạn 2021-2025, ngân sách trung ương đã cơ bản xử lý được nợ đọng xây dựng cơ bản và thu hồi vốn ứng trước từ nguồn ngân sách trung ương giai đoạn trước (dành khoảng 1.159,823 tỷ đồng để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản và 51.690,177 tỷ đồng để thu hồi vốn ứng trước còn dư từ các giai đoạn trước). Kiên quyết không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản; đồng thời, nâng cao chất lượng công tác lập kế hoạch để hạn chế tối đa tình trạng thiếu vốn phải ứng trước vốn kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách trung ương các năm sau để thực hiện.

(6) Việc áp dụng các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 đã góp phần thúc đẩy cơ cấu lại đầu tư và cơ cấu lại các ngành, vùng lãnh thổ; cơ bản bảo đảm tương quan hợp lý giữa phát triển kinh tế - xã hội và an sinh xã hội, giữa các ngành, lĩnh vực, các địa phương, vùng miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các vùng khó khăn khác. Những dự án hoàn thành đã tạo sự chuyển biến rõ nét về hạ tầng giao thông, nông nghiệp và phát triển nông thôn, quốc phòng, an ninh, công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giai đoạn này. Giai đoạn 2021-2025, ngân sách trung ương đã ưu tiên, dành 20,5% vốn hỗ trợ cho các địa phương để bố trí cho khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long để xử lý các vấn đề về hạ tầng giao thông, phòng chống xâm, nhập mặn, biến đổi khí hậu, nước biển dâng... (giai đoạn 2016-2020 bố trí 17,5%).

4. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân:

a) Mặc dù quy định 13 ngành, lĩnh vực đồng nhất với quy định của Luật Ngân sách nhà nước, tuy nhiên vẫn chưa bao quát hết được toàn bộ các nội dung trong từng ngành, lĩnh vực. Một số nội dung đến nay đã không sử dụng vốn đầu tư công, một số nội dung được sử dụng vốn đầu tư công nhưng chưa được quy định chi tiết tại ngành, lĩnh vực.

b) Chưa có cơ chế quản lý chặt chẽ đối với lập kế hoạch và phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương. Giai đoạn 2021-2025, chỉ tính riêng số lượng dự án sử dụng ngân sách cấp tỉnh là khoảng 20.000 dự án (ngân sách trung ương chỉ bố trí cho dưới 5.000 dự án).

c) Chưa có cơ chế để xác định, ràng buộc trách nhiệm của ngân sách địa phương trong việc dành nguồn vốn cho đầu tư cơ sở hạ tầng, đặc biệt là đối với các dự án quan trọng, trọng điểm, liên vùng có tác động lan tỏa.

d) Quy định đối với việc bố trí vốn nước ngoài chưa đảm bảo phù hợp với thực tiễn triển khai dẫn tới lúng túng trong thực hiện. Theo đó vốn bố trí chưa phù hợp với khả năng thực hiện, giải ngân dẫn tới giải ngân vốn nước ngoài trở thành tồn tại lớn. Hằng năm, tỷ lệ giải ngân vốn nước ngoài còn thấp (chỉ khoảng 57%). Các dự án triển khai rất chậm, quy trình, thủ tục đầu tư, giải ngân vẫn nhiều khâu, nhiều bước, có sự thiếu đồng bộ giữa quy định của Việt Nam và nhà tài trợ. Một ví dụ tiêu biểu là đầu kỳ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã dự kiến dành 46.000 tỷ đồng cho các dự án DPO nhưng đến nay chưa triển khai được. Lũy kế hủy dự toán hằng năm đối với vốn nước ngoài là gần 50% kế hoạch.

III. QUÁ TRÌNH DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT, TỔNG HỢP, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN:

1. Căn cứ quy định tại Luật Đầu tư công, thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã khẩn trương triển khai xây dựng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030. Cụ thể:

a) Thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng dự thảo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (các Quyết định số 1642/QĐ-BKHĐT ngày 26/7/2024 và số 1643/QĐ-BKHĐT ngày 26/7/2024).

b) Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025.

c) Xây dựng dự thảo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030 và gửi xin ý kiến các bộ, cơ quan trung ương và địa phương có liên quan đối với dự thảo Nghị quyết nêu trên (các văn bản số 5351/BKHĐT-TH ngày 09/07/2024 và số 5778/BKHĐT-TH ngày 22/7/2024),

đồng thời gửi đăng tải công khai toàn văn dự thảo Nghị quyết trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ, Cổng Thông tin điện tử Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định của Luật Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật để các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan nghiên cứu, góp ý.

Đến ngày 17/9/2024, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nhận được ý kiến góp ý của **49** bộ, cơ quan trung ương và **59** địa phương. Có **39** bộ, cơ quan trung ương và địa phương **thống nhất** với toàn văn dự thảo Nghị quyết

d) Trên cơ sở ý kiến tham gia của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, tiếp thu, giải trình và hoàn thiện tại dự thảo Nghị quyết.

2. Tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương:

a) Về cơ bản, đa số các bộ, cơ quan trung ương, địa phương thống nhất về chủ trương, các chính sách quy định tại dự thảo Nghị quyết, chỉ có ý kiến về mặt kỹ thuật, hoàn thiện nội dung quy định đối với 13 ngành, lĩnh vực, cơ sở để tính điểm đối với các địa phương, nội dung soạn thảo văn bản. Tuy nhiên, 13 địa phương khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long tiếp tục đề xuất ưu tiên bố trí vốn đầu tư công cho khu vực này.

Về nội dung này, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến như sau: Giai đoạn 2021-2025, vùng Đồng bằng sông Cửu Long đã được ưu tiên bố trí vốn ngân sách trung ương thông qua phương pháp ưu tiên tính điểm theo tiêu chí để xử lý các vấn đề về hạ tầng giao thông, phòng chống xâm nhập mặn, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng...; Ngoài ra, khu vực này được Thủ tướng Chính phủ, các bộ, cơ quan trung ương quan tâm đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, đường cao tốc, trọng điểm của ngành trên địa bàn. Trong giai đoạn 2026-2030, để cơ bản tương quan nguồn vốn giữa các vùng, khu vực, cần thiết xem xét, ưu tiên bố trí vốn cho vùng, khu vực khác mà giai đoạn trước đây chưa được ưu tiên như Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, Vùng Tây Nguyên (khu vực có địa hình đồi, núi hiểm trở, gồm nhiều địa phương khó khăn, chậm phát triển về kinh tế - xã hội, tập trung nhiều đồng bào dân tộc thiểu số).

b) Chi tiết ý kiến giải trình, tiếp thu các ý kiến góp ý của các bộ, cơ quan trung ương, địa phương tại Bảng tổng hợp, tiếp thu, giải trình kèm theo.

IV. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM, ĐỊNH HƯỚNG XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI GIAI ĐOẠN 2026-2030:

1. Mục đích:

- Xây dựng nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030 để làm cơ sở pháp lý đồng bộ, thống nhất cho công tác lập kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025, bảo đảm việc phân bổ vốn đúng mục tiêu, tránh đầu tư phân tán, dàn trải, lãng phí, nâng cao hiệu quả đầu tư từ ngân sách nhà nước; nâng cao

tính công khai, minh bạch trong quản lý, phân bổ và sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước, góp phần thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm giai đoạn 2021-2030, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm giai đoạn 2026-2030, quy hoạch ngành, lĩnh vực, vùng, địa phương, tạo động lực cho phát triển kinh tế.

- Tăng tính công khai, minh bạch, tăng tính khả thi khi triển khai; góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và phòng, chống tham nhũng, lãng phí trong công tác phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030.

- Hoàn thiện quy định, bao quát các nội dung được sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước đối với từng ngành trong 13 ngành, lĩnh vực.

2. Quan điểm, định hướng:

a) Xây dựng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030 bám sát theo quan điểm chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, định hướng phát triển của đất nước tại Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, phương hướng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm giai đoạn 2026-2030 của quốc gia, các ngành, lĩnh vực, địa phương, kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia, kế hoạch vay, trả nợ công 05 năm, các quy hoạch, tuân thủ các quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công.

b) Dành đủ nguồn vốn để hoàn thành các dự án chuyển tiếp thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (bao gồm: số vốn cân đối chưa đủ theo kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao, số vốn bố trí cho các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030 theo tiến độ).

c) Bố trí đủ vốn để thực hiện 05 Chương trình mục tiêu quốc gia (giai đoạn 2026-2030 dự kiến bổ sung 02 Chương trình mục tiêu quốc gia: phòng, chống tác hại của ma túy và phát triển văn hóa) theo chủ trương được Quốc hội phê duyệt.

d) Tiếp tục tập trung nguồn lực lớn để triển khai những nhiệm vụ lớn, trọng tâm, trọng điểm, hoàn thiện cơ sở hạ tầng đồng bộ, hiện đại, trong đó ưu tiên bố trí vốn:

- Các dự án quan trọng quốc gia, dự án hạ tầng trọng điểm; hoàn thành tối thiểu 5.000km đường cao tốc, nâng cấp các cao tốc từ 2 làn xe, 4 làn xe hạn chế lên quy mô đầy đủ theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thực hiện các dự án đường sắt tốc độ cao, đường sắt đô thị (đường sắt kết nối quốc tế, đường sắt kết nối với cảng biển trung chuyển quốc tế, đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam, đường sắt đô thị).

- Chương trình, dự án kết nối, có tác động liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững.

- Chương trình, nhiệm vụ, dự án khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, vi mạch bán dẫn, bảo vệ chăm sóc sức khỏe nhân dân theo các quy

hoạch ngành, lĩnh vực, vùng, địa phương (tiêu biểu là 06 Nghị quyết về phát triển kinh tế - xã hội các Vùng).

- Các chương trình, nhiệm vụ, dự án thích ứng với biến đổi khí hậu, các dự án đảm bảo an ninh nguồn nước, chuyển đổi xanh.

- Triển khai các Nghị quyết của Bộ Chính trị về đảm bảo phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng như an ninh, quốc phòng, tư pháp, đào tạo nhân lực chất lượng cao, y tế, đảm bảo sức khỏe nhân dân...

đ) Bố trí vốn cho các bộ, cơ quan trung ương để triển khai các dự án theo ngành, lĩnh vực phù hợp với quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

e) Bố trí vốn ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho các địa phương theo tiêu chí tính điểm (tương tự như kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025).

- Ngân sách trung ương hỗ trợ cho các địa phương tập trung đầu tư các công trình, dự án lớn, có tính chất liên vùng, liên quốc gia, quốc tế, mang tính lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương, vùng, quốc gia, bảo đảm trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả, kiên quyết khắc phục tình trạng manh mún, dàn trải, kém hiệu quả.

- Ưu tiên bố trí vốn cho vùng khó khăn, vùng kinh tế động lực, cực tăng trưởng, hỗ trợ để thúc đẩy phát triển địa phương, khu vực. Tiếp tục thực hiện một số cơ chế, chính sách ưu tiên phát triển vùng, trong đó tập trung ưu tiên bố trí vốn cho vùng Trung du và miền núi phía Bắc, Vùng Tây Nguyên, các vùng kinh tế động lực, cực tăng trưởng.

- Bổ sung tính điểm cho địa phương theo Nghị quyết của Quốc hội; bổ sung nội dung tính điểm đối với vùng CT229.

g) Ngân sách địa phương tập trung đầu tư các công trình, dự án có tính liên tỉnh, liên huyện và dứt khoát không dàn trải, manh mún, phải có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả, có tính lan tỏa cao. Đảm bảo bố trí đủ vốn ngân sách địa phương theo cam kết đối với các Chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia, dự án đường cao tốc, dự án đường sắt tốc độ cao, đường sắt đô thị, dự án kết nối, có tác động liên vùng, dự án có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, chương trình, nhiệm vụ, dự án quốc phòng, an ninh, tư pháp, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, giáo dục, đào tạo nhân lực chất lượng cao, bảo vệ chăm sóc sức khỏe nhân dân, thích ứng với biến đổi khí hậu, đảm bảo an ninh nguồn nước, chuyển đổi xanh.

h) Dành nguồn vốn cho chuẩn bị đầu tư (bao gồm: vốn chuẩn bị đầu tư cho dự án dự kiến khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030, vốn bố trí cho nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư cho dự án của giai đoạn sau).

i) Đối với vốn nước ngoài, dự kiến việc quản lý, phân bổ, sử dụng vốn cho nhiệm vụ, dự án cụ thể đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục đề xuất, bố trí vốn theo Hiệp định của nhà tài trợ.

k) Có cơ chế quản lý, phân bổ, sử dụng vốn hợp lý, phù hợp với khả năng cân đối vốn ngân sách nhà nước, đặc biệt là với vốn nước ngoài, vốn cân đối từ ngân sách địa phương. Đảm bảo vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương. Phát huy vai trò của ngân sách nhà nước để thu hút các nguồn vốn khác nền kinh tế tăng trưởng, phát triển. Phân bổ vốn tập trung, hài hòa giữa các ngành, lĩnh vực, địa phương.

l) Kế thừa các ưu điểm, khắc phục những tồn tại, hạn chế của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

m) Bố trí vốn tập trung, công khai, minh bạch, phù hợp với quy hoạch ngành, lĩnh vực, địa phương đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tăng cường phân cấp, phân quyền trong quản lý, sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước. Việc bố trí vốn đảm bảo nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ, thứ tự ưu tiên và đúng quy định hiện hành.

V. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG, KẾT CẤU CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT:

1. Phạm vi điều chỉnh:

Nghị quyết này quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030.

2. Đối tượng áp dụng:

Nghị quyết này áp dụng đối với:

a) Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương theo quy định của Luật Đầu tư công.

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước.

3. Kết cấu của dự thảo Nghị quyết:

Dự thảo Nghị quyết được xây dựng gồm 03 Chương và 14 Điều, cụ thể:

Chương 1. Quy định chung (bao gồm 02 Điều về Phạm vi điều chỉnh, Đối tượng áp dụng).

Chương 2. Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030 (bao gồm 08 Điều về Ngành, lĩnh vực sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030; Nguyên tắc chung về phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030; Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương trong nước giai đoạn 2026-2030; Nguyên tắc, tiêu

chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương nước ngoài giai đoạn 2026-2030; Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030; Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương cho bộ, cơ quan trung ương giai đoạn 2026-2030; Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương giai đoạn 2026-2030; Vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương).

Chương 3. Điều khoản thi hành (bao gồm 04 Điều về Trách nhiệm của Chính phủ; Trách nhiệm của Thủ tướng Chính phủ; Hiệu lực thi hành; Giám sát việc thực hiện Nghị quyết).

VI. NỘI DUNG CHÍNH SÁCH QUY ĐỊNH TẠI DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT:

1. Ngành, lĩnh vực sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước được quy định đồng bộ, thống nhất với việc phân loại 13 lĩnh vực đang được quy định tại Luật Ngân sách nhà nước.

a) Mục tiêu của chính sách: quy định đồng bộ, thống nhất về ngành, lĩnh vực sử dụng vốn đầu tư công với quy định về phân loại lĩnh vực tại Luật Ngân sách nhà nước.

b) Nội dung của chính sách:

- Vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước được bố trí cho các đối tượng được quy định tại Điều 5 Luật Đầu tư công theo 13 lĩnh vực quy định tại Luật Ngân sách nhà nước.

- Rà soát, hoàn thiện chi tiết nội dung từng ngành, lĩnh vực được sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030.

- Các dự án dự kiến trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 tùy theo mục tiêu, nội dung đầu tư sẽ được các bộ, cơ quan trung ương, địa phương sắp xếp vào 13 ngành, lĩnh vực phù hợp.

c) Giải pháp thực hiện: Để thực hiện chính sách trên, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương phải thực hiện rà soát, sắp xếp theo ngành, lĩnh vực đảm bảo đúng tính chất của dự án, phù hợp với quy định tại Nghị quyết này.

2. Quy định các nguyên tắc chung về phân bổ vốn:

a) Mục tiêu của chính sách: Bảo đảm bố trí vốn tập trung, hiệu quả trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 nhưng vẫn tạo sự chủ động, linh hoạt trong triển khai thực hiện.

b) Nội dung của chính sách:

- Việc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030 phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các bộ, cơ quan trung ương và các cấp chính quyền địa phương.

- Việc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước phải phục vụ cho thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển tại Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm giai đoạn 2021-2030, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm giai đoạn 2021-2025 của quốc gia, của các ngành, lĩnh vực, vùng, địa phương, tạo động lực cho phát triển kinh tế, phù hợp với kế hoạch tài chính 05 năm, kế hoạch vay, trả nợ 05 năm, các quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch được cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt, bảo đảm mục tiêu phát triển bền vững, hài hòa giữa kinh tế và xã hội.

- Phù hợp với khả năng cân đối vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước và thu hút các nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế khác, của từng ngành, lĩnh vực và địa phương; bảo đảm các cân đối vĩ mô, an toàn nợ công.

- Phân bổ vốn đầu tư tập trung, không phân tán, dàn trải, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư. Chỉ giao kế hoạch vốn đối với các dự án đã đủ thủ tục đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Tập trung ưu tiên phân bổ vốn để thực hiện, đẩy nhanh tiến độ và hoàn thành các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia, dự án kết nối, có tác động liên vùng, dự án có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, chương trình, nhiệm vụ, dự án quốc phòng, an ninh, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, vi mạch bán dẫn, giáo dục, bảo vệ chăm sóc sức khỏe nhân dân, thích ứng với biến đổi khí hậu, đảm bảo an ninh nguồn nước, chuyển đổi xanh.

- Phân bổ vốn hợp lý cho các vùng miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các vùng khó khăn, vùng kinh tế động lực, cực tăng trưởng góp phần thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế, thu nhập và mức sống của dân cư giữa các vùng, miền trong cả nước.

- Thứ tự ưu tiên phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030 của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương được thực hiện như sau:

+ Phân bổ đủ vốn để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản theo quy định của Luật Đầu tư công, hoàn trả vốn ứng trước kế hoạch chưa thu hồi (nếu còn);

+ Phân bổ vốn cho dự án đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn; vốn cho dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài (bao gồm cả vốn đối ứng); vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo phương thức đối tác công tư; dự án chuyên tiếp thực hiện

theo tiến độ được phê duyệt; dự án dự kiến hoàn thành trong kỳ kế hoạch;

+ Phân bổ vốn để thực hiện nhiệm vụ quy hoạch;

+ Phân bổ vốn chuẩn bị đầu tư để lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư và lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án;

+ Phân bổ vốn cho dự án khởi công mới đáp ứng yêu cầu quy định của Luật Đầu tư công.

- Bảo đảm công khai, minh bạch trong việc phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

c) Giải pháp thực hiện chính sách: Các nguyên tắc chung này phải được rà soát kỹ, đảm bảo tính đầy đủ, thống nhất, minh bạch, góp phần nâng cao hiệu quả phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước.

3. Nguyên tắc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương:

a) Mục tiêu của chính sách: Xây dựng các nguyên tắc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương theo đúng các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, vừa tạo điều kiện phân cấp, phân quyền chủ động cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương đồng thời ngân sách trung ương cũng tập trung đầu tư cho dự án quan trọng quốc gia, dự án kết nối, có tác động liên vùng, dự án có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững của cả nước và của các cấp, các ngành. Ngoài ra, có quy định riêng đối với vốn nước ngoài thuộc ngân sách trung ương.

b) Nội dung chính sách:

(1) Đối với vốn trong nước:

- Về nguyên tắc phân bổ: thực hiện theo các nội dung quy định tại Điều 51 Luật Đầu tư công.

- Bảo đảm tương quan hợp lý về cơ cấu phân bổ vốn đầu tư cho các bộ, cơ quan trung ương; vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương; vốn để thực hiện các nhiệm vụ, dự án cụ thể.

- Vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương được phân bổ theo ngành, lĩnh vực theo quy định tại Nghị quyết này.

- Các nhiệm vụ, chương trình, dự án được giao kế hoạch vốn phải đảm bảo đầy đủ các thủ tục đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công.

- Về cơ cấu phân bổ vốn: Dự thảo Nghị quyết bổ sung quy định về cơ cấu phân bổ vốn để bảo đảm ngân sách trung ương được phân bổ với tương quan hợp lý giữa các bộ, cơ quan trung ương; vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương và vốn để thực hiện các nhiệm vụ, dự án cụ thể có ý nghĩa quan trọng, tác động liên vùng và cả nước, tạo động lực phát triển kinh tế.

+ Dành tối đa không quá 30% ngân sách trung ương trong nước để bổ sung có mục tiêu cho các địa phương, phân bổ theo ngành, lĩnh vực (không bao gồm vốn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia). Các địa phương chịu trách nhiệm bố trí vốn cụ thể cho các chương trình, dự án đúng quy định pháp luật thuộc các ngành, lĩnh vực theo các nguyên tắc, thứ tự ưu tiên của Nghị quyết này.

+ Dành 70% nguồn ngân sách trung ương trong nước còn lại để phân bổ: (i) Phân bổ theo ngành, lĩnh vực cho các bộ, cơ quan trung ương. Các bộ, cơ quan trung ương chịu trách nhiệm phân bổ cụ thể cho các chương trình, dự án đúng quy định pháp luật theo các nguyên tắc, thứ tự ưu tiên của Nghị quyết này; (ii) Bố trí vốn cho các nhiệm vụ, chương trình, dự án cụ thể, bao gồm: các Chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia, dự án đường cao tốc, dự án đường sắt tốc độ cao, đường sắt đô thị, dự án kết nối, có tác động liên vùng, dự án có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, chương trình, nhiệm vụ, dự án quốc phòng, an ninh, tư pháp, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, hạ tầng số, vi mạch bán dẫn, giáo dục, đào tạo nhân lực chất lượng cao, bảo vệ chăm sóc sức khỏe nhân dân, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, sạt lở bờ sông, bờ biển, hạn hán, xâm nhập mặn, nước biển dâng, đảm bảo an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, chuyển đổi xanh.

(2) Đối với vốn nước ngoài:

- Phân bổ trên cơ sở định hướng sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài trong giai đoạn 2026-2030, nhu cầu của các bộ, cơ quan trung ương, địa phương đối với các dự án đang triển khai, các dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030, các dự án đã ký hiệp định.

- Số vốn còn lại chưa phân bổ để cho các nhiệm vụ, chương trình, dự án dự kiến triển khai nhưng chưa đủ thủ tục đầu tư hoặc phát sinh trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030.

c) Giải pháp thực hiện chính sách: Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương nghiêm túc thực hiện rà soát, phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo đúng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ quy định tại dự thảo Nghị quyết.

4. Nguyên tắc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương cho các bộ, cơ quan trung ương:

a) Mục tiêu của chính sách: Bảo đảm bố trí vốn tập trung, hiệu quả, hoàn thành dứt điểm các dự án chuyển tiếp, thiếu vốn, thu hồi đủ số vốn ứng trước.

b) Nội dung của chính sách:

Dự thảo Nghị quyết dự kiến đổi mới việc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương cho các bộ, cơ quan trung ương theo hướng:

(1) Đối với vốn trong nước:

- Ngoài các nguyên tắc chung, thực hiện phân bổ đủ vốn cho các nhiệm vụ, dự án đầu tư công đang triển khai trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 chuyển tiếp thực hiện trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030, những nhiệm vụ, dự án chưa được ngân sách trung ương bố trí đủ vốn theo quy định.

- Mức vốn còn lại phân bổ cho các dự án đầu tư công khởi công mới thuộc các ngành, lĩnh vực.

(2) Đối với vốn nước ngoài: thực hiện theo quy định chung nêu tại tiết (2) điểm b mục 3 nêu trên.

c) Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn:

Phải rà soát, xác định chỉ tiêu cơ sở từ các bộ, cơ quan trung. Việc bố trí vốn tập trung đảm bảo hoàn thành dứt điểm các dự án chuyển tiếp.

5. Nguyên tắc phân bổ đầu tư công nguồn ngân sách trung ương cho các địa phương:

a) Mục tiêu của chính sách: Bảo đảm bố trí vốn tập trung, hiệu quả đối với các dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030, đảm bảo đúng chức năng của ngân sách trung ương. Ưu tiên đầu tư vào các công trình, dự án lớn, có tính liên vùng, liên tỉnh, liên quốc gia, quốc tế, mang tính lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương, vùng, quốc gia.

b) Nội dung của chính sách:

(1) Đối với vốn trong nước:

- Vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương chỉ bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương để thực hiện các dự án có quy mô từ nhóm B trở lên. Những trường hợp khác, tùy vào tình hình thực tế, Thủ tướng Chính phủ quyết định hỗ trợ đối với từng dự án.

- Đối với tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho địa phương (vốn trong nước): Dự thảo Nghị quyết dự kiến việc phân bổ vốn đầu tư nguồn NSTW bổ sung có mục tiêu cho địa phương theo định mức, được tính toán trên cơ sở kế thừa từ một số tiêu chí phân bổ vốn cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025. Cụ thể, định mức phân bổ vốn NSTW bổ sung có mục tiêu cho địa phương được xác định:

+ Phân bổ đủ vốn cho các dự án đầu tư công sử dụng ngân sách trung ương đang thực hiện của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 chuyển tiếp thực hiện trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030, những nhiệm vụ, dự án chưa được ngân sách trung ương bố trí đủ vốn theo quy định.

+ Mức vốn còn lại phân bổ cho các dự án đầu tư công khởi công mới thuộc các ngành, lĩnh vực trên cơ sở tính điểm của các tiêu chí sau:

(i) Tiêu chí dân số: Số dân trung bình và số người dân tộc thiểu số của các địa phương (trừ Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh);

(ii) Tiêu chí về trình độ phát triển: Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều, số thu nội địa (không bao gồm số thu từ sử dụng đất, xổ số kiến thiết), tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương và tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương;

(iii) Tiêu chí diện tích: Diện tích đất tự nhiên, diện tích đất trồng lúa, tỷ lệ che phủ rừng của các địa phương;

(iv) Tiêu chí về đơn vị hành chính cấp huyện: Số đơn vị hành chính cấp huyện; số huyện miền núi; thành phố đảo; vùng cao, hải đảo; biên giới đất liền của từng địa phương;

(v) Các tiêu chí bổ sung, bao gồm: Tiêu chí xã ATK; khu vực chịu tác động của công trình quốc phòng và khu vực quân sự nhóm đặc biệt; xã đặc biệt khó khăn vùng III; Tiêu chí các xã đảo, xã biên giới đất liền, gồm: các xã biên giới Việt Nam - Trung Quốc, Việt Nam - Lào và Việt Nam - Campuchia; Tiêu chí vùng, gồm: các vùng chịu tác động lớn của thiên tai, biến đổi khí hậu (mưa bão, sạt lở đất, lũ quét, sạt lở bờ sông, bờ biển, hạn hán, xâm nhập mặn, nước biển dâng,...); Tiêu chí ưu tiên theo các Nghị quyết của Quốc hội.

(2) Đối với vốn nước ngoài: thực hiện theo quy định chung nêu tại tiết (2) điểm b mục 3 nêu trên.

c) Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn:

Phải rà soát, xác định chỉ tiêu cơ sở từ các địa phương. Việc bố trí vốn tập trung đảm bảo hoàn thành dứt điểm các dự án chuyển tiếp.

6. Vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương:

a) Mục tiêu của chính sách: Xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn cân đối ngân sách địa phương phù hợp với phân cấp quản lý kinh tế - xã hội giữa trung ương và địa phương; mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước trên địa bàn các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

b) Nội dung chính sách:

- Tập trung đầu tư các công trình, dự án có tính liên tỉnh, liên huyện và dứt khoát không dàn trải, manh mún, phải có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả, có tính lan tỏa cao.

- Vốn phân bổ theo ngành, lĩnh vực quy định tại Nghị quyết này.

- Vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương tập trung đầu tư vào các công trình, dự án có tính liên tỉnh, liên huyện. Đầu tư tập trung, trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả, có tính lan tỏa cao; đảm bảo không dàn trải, manh mún.

- Đảm bảo bố trí đủ vốn ngân sách địa phương theo cam kết đối với các dự án quan trọng quốc gia, dự án kết nối, có tác động liên vùng, dự án có ý nghĩa

thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, chương trình, dự án khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, bảo vệ chăm sóc sức khỏe nhân dân.

c) Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn:

Để xác định vốn cân đối ngân sách địa phương năm 2026 phải căn cứ vào kế hoạch tài chính 03 năm 2025-2027 của Chính phủ đã báo cáo Quốc hội kết hợp với tổng hợp số liệu từ các cơ quan liên quan.

VII. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT:

1. Tác động đến pháp luật:

Báo cáo về đánh giá tác động của dự thảo Nghị quyết tại Báo cáo số .../BC-BKHĐT ngày .../9/2024 kèm theo.

2. Tác động đến thủ tục hành chính:

Dự thảo Nghị quyết không phát sinh thêm các thủ tục hành chính.

3. Tác động đến giới:

Dự thảo Nghị quyết không có quy định tạo ra sự phân biệt về giới.

VIII. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA:

1. Dự kiến nguồn lực:

Dự kiến nguồn lực để thi hành Nghị quyết như sau:

- Từ nguồn ngân sách trung ương.
- Từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có).

2. Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị quyết:

a) Tuyên truyền, phổ biến: Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng nội dung thông tin, tuyên truyền phổ biến những yêu cầu, nội dung và các quy định của Nghị quyết kịp thời đến các bộ, cơ quan trung ương và địa phương để triển khai thực hiện, bảo đảm tiến độ xây dựng kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030. Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ thực hiện quán triệt, phổ biến nội dung của Nghị quyết cho các cơ quan, đơn vị cấp dưới bảo đảm cách hiểu thống nhất trong triển khai thực hiện.

b) Bảo đảm nguồn lực thực hiện: Được bố trí nguồn kinh phí để thực hiện các quy định trong Nghị quyết. Ngoài nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước cấp, huy động nguồn lực từ cơ quan, đơn vị và địa phương, hỗ trợ của các tổ chức xã hội, tổ chức quốc tế hoặc lồng ghép vào các chương trình, dự án khác để có nguồn kinh phí bảo đảm cho việc thực hiện Nghị quyết.

c) Kiểm tra, thanh tra, giám sát tình hình thực hiện: Thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát tình hình thi hành Nghị quyết này.

IX. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT:

Dự kiến trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua Nghị quyết tại kỳ họp tháng 10 năm 2024 để làm cơ sở cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 trình Quốc hội theo quy định của Luật Đầu tư công.

X. KIẾN NGHỊ CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ:

Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Chính phủ:

1. Thông qua dự thảo Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030.

2. Giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu ý kiến của thành viên Chính phủ, hoàn thiện dự thảo Tờ trình của Chính phủ, dự thảo Nghị quyết.

3. Giao Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ, thay mặt Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội về dự thảo Nghị quyết nêu trên và triển khai các bước tiếp theo theo quy định.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư kính báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính;
- Bộ KH&ĐT: các Lãnh đạo Bộ, Vụ PC;
- Lưu: VT, Vụ TH.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Chí Dũng

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghị quyết số: /2024/UBTVQH15 Hà Nội, ngày tháng 9 năm 2024

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công
nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030**

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 59/2020/QH14;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2020/QH14, Luật số 72/2020/QH14 và Luật số 03/2022/QH15;

QUYẾT NGHỊ:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với:

- Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương theo quy định của Luật Đầu tư công.
- Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập, phân bổ và giao kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030.

Chương II

**NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ VÀ ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ CÔNG
NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2026-2030**

**Điều 3. Ngành, lĩnh vực sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách
nhà nước giai đoạn 2026-2030**

Vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước được bố trí cho các đối tượng đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công và được phân theo ngành, lĩnh vực quy định tại Điều 36 của Luật Ngân sách nhà nước, cụ thể như sau:

1. Quốc phòng: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án thuộc các ngành, lĩnh vực phục vụ mục tiêu quốc phòng, cơ yếu, ứng phó với sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của đơn vị chuyên trách trung ương và địa phương theo phân cấp; công tác rà phá bom, mìn, vật nổ, phát triển công nghiệp quốc phòng theo hướng lưỡng dụng.

2. An ninh và trật tự, an toàn xã hội: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án thuộc các ngành, lĩnh vực phục vụ mục tiêu an ninh và trật tự, an toàn xã hội, phòng cháy, chữa cháy, điều tra phòng, chống tội phạm, thi hành án hình sự, ứng phó với sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của đơn vị chuyên trách trung ương và địa phương theo phân cấp.

3. Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ mục tiêu giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp thuộc các cấp học từ mầm non đến đại học và giáo dục thường xuyên; đầu tư cơ sở đào tạo cán bộ của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương.

4. Khoa học, công nghệ: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị, công nghệ phục vụ mục tiêu phát triển khoa học, công nghệ, thí nghiệm, thực nghiệm, phân tích, kiểm định, kiểm nghiệm, tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng, sở hữu trí tuệ, năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân, thông tin và thống kê khoa học và công nghệ, thiết kế chuyên dụng trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo; trung tâm đổi mới sáng tạo, nghiên cứu và phát triển, hỗ trợ phát triển công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản ứng dụng công nghệ cao.

5. Y tế, dân số và gia đình: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ mục tiêu về y tế (bao gồm y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh, cấp cứu, phục hồi chức năng; y, dược cổ truyền; giám định y khoa, pháp y, pháp y tâm thần; kiểm định, kiểm nghiệm dược phẩm, mỹ phẩm và các hoạt động khác thuộc lĩnh vực y tế), dân số, gia đình, sức khỏe sinh sản, bảo hiểm y tế, vệ sinh an toàn thực phẩm.

6. Văn hóa, thông tin gồm các nhiệm vụ, chương trình, dự án phục vụ các mục tiêu thuộc các lĩnh vực sau:

a) Văn hóa: Bảo vệ, bảo tồn giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, văn hóa dân tộc; phát triển văn học nghệ thuật, điện ảnh, thư viện, bảo tàng, văn hóa cơ sở, các loại hình nghệ thuật biểu diễn; phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, các công trình văn hóa;

b) Thông tin: Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động xuất bản, báo chí của Đảng và Nhà nước.

7. Phát thanh, truyền hình, thông tấn: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ các mục

tiêu phát thanh, truyền hình, thông tấn nhằm thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ xã hội và công ích thiết yếu.

8. Thể dục, thể thao: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ các mục tiêu phát triển thể dục, thể thao.

9. Bảo vệ môi trường gồm các nhiệm vụ, chương trình, dự án phục vụ các mục tiêu thuộc các lĩnh vực sau:

a) Môi trường: cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị quan trắc, cảnh báo môi trường, khắc phục ô nhiễm môi trường, cải thiện môi trường, xử lý chất thải, nước thải, tăng trưởng xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững;

b) Tài nguyên: cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị đo đạc bản đồ, khí tượng thủy văn, thăm dò địa chất, khoáng sản, điều tra đánh giá đất đai, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học, biển và hải đảo.

10. Các hoạt động kinh tế gồm các nhiệm vụ, chương trình, dự án phục vụ các mục tiêu thuộc các lĩnh vực sau:

a) Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản: cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị cho nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản; kinh tế nông thôn (bao gồm xây dựng nông thôn mới, cung cấp nước sạch và bảo đảm vệ sinh môi trường nông thôn, phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn gắn với hộ gia đình và hợp tác xã, bố trí, sắp xếp lại dân cư nông thôn, định canh, định cư, ổn định di dân tự do và tái định cư); phát triển giống cây trồng, vật nuôi; trồng, bảo vệ và phát triển rừng; phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, cháy rừng, dịch bệnh, ổn định đất lúa, bảo đảm an ninh nguồn nước, an ninh lương thực;

b) Công nghiệp: cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo; cơ sở vật chất, trang thiết bị, hạ tầng phục vụ công tác vận hành hệ thống điện và thị trường điện quốc gia; các nhiệm vụ, dự án thuộc lĩnh vực dầu khí theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, cơ sở vật chất và trang thiết bị in, đúc tiền;

c) Giao thông: kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải, cảng hàng không, sân bay;

d) Khu công nghiệp và khu kinh tế: hạ tầng các khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, khu kinh tế chuyên biệt, khu thương mại tự do và hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp;

đ) Thương mại: chợ dân sinh, chợ đầu mối, trung tâm logistic, trung tâm hội chợ triển lãm, kết cấu hạ tầng xuất khẩu, nhập khẩu;

e) Cấp nước, thoát nước;

g) Kho tàng: cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị kho tàng, kho lưu

trữ chuyên dụng, kho dự trữ quốc gia, lưu trữ hồ sơ, tài liệu, kho vật chứng;

h) Du lịch: cơ sở hạ tầng nhằm phát triển du lịch bền vững tại các khu, điểm, địa bàn du lịch;

i) Viễn thông: cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ các mục tiêu viễn thông nhằm thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ xã hội và công ích thiết yếu; hạ tầng số; cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ nâng cấp, phát triển Mạng điện báo Hệ đặc biệt phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước, Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mạng điện thoại Hệ đặc biệt phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước; hạ tầng trung tâm dữ liệu quốc gia và điện toán đám mây;

k) Bưu chính: cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ các mục tiêu bưu chính nhằm thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ xã hội và công ích thiết yếu; cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ nâng cấp, phát triển Mạng bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước;

l) Công nghệ thông tin: hạ tầng ứng dụng công nghệ thông tin và trung tâm dữ liệu trong các cơ quan Đảng và Nhà nước; các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu; các nền tảng số, phần mềm ứng dụng, dịch vụ dùng chung; an toàn, an ninh mạng; vi mạch bán dẫn; trí tuệ nhân tạo;

m) Quy hoạch: nhiệm vụ quy hoạch theo quy định tại Luật Quy hoạch;

n) Công trình công cộng tại các đô thị và nông thôn; hạ tầng kỹ thuật khu đô thị;

o) Tài chính, ngân hàng;

p) Cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; ủy thác vốn qua ngân hàng chính sách xã hội theo quy định của cấp có thẩm quyền; hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; hỗ trợ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã.

11. Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án phục vụ mục tiêu xây dựng, cải tạo, nâng cấp trụ sở, nhà công vụ, nơi ở cho cán bộ luân chuyển, điều động, mua sắm trang thiết bị của các cơ quan thuộc hệ thống chính trị, nhà nước; dự án mua mới, xây dựng và cải tạo trụ sở làm việc, cải tạo, nâng cấp nhà ở, mua sắm trang thiết bị của các cơ quan Việt Nam ở nước ngoài.

12. Xã hội: các nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị của các cơ sở điều dưỡng, phục hồi chức năng, nuôi dưỡng người có công; hỗ trợ việc làm; xây dựng, cải tạo, nâng cấp các cơ sở chăm sóc người già neo đơn, trẻ mồ côi không

nơi lương tựa; xây dựng nhà ở xã hội cho những người có thu nhập thấp; chăm sóc, điều dưỡng sức khỏe người lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp; cơ sở hỗ trợ hoạt động thanh thiếu niên, phụ nữ, nông dân; xây dựng, cải tạo, nâng cấp các công trình ghi công liệt sỹ; cơ sở cai nghiện và trợ giúp xã hội khác; nhà lưu trú cho người lao động.

13. Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật: hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng, chính sách khác theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; các nhiệm vụ, chương trình, dự án thuộc đối tượng đầu tư công chưa phân loại được vào 12 ngành, lĩnh vực nêu trên.

Điều 4. Nguyên tắc chung về phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030

1. Việc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030 phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các bộ, cơ quan trung ương và các cấp chính quyền địa phương.

3. Việc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước phải phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển của đất nước tại Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, các Nghị quyết của Bộ Chính trị, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm giai đoạn 2026-2030 của quốc gia, các ngành, lĩnh vực, địa phương, kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia, kế hoạch vay, trả nợ công 05 năm, các quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt, bảo đảm mục tiêu phát triển bền vững, hài hòa giữa kinh tế và xã hội.

4. Phù hợp với khả năng cân đối vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước trong kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2026-2030, bảo đảm các chỉ tiêu cân đối vĩ mô, an toàn nợ công. Đẩy mạnh cơ cấu lại đầu tư công, tính toán hợp lý cơ cấu nguồn lực ngân sách trung ương và địa phương, bảo đảm ngân sách trung ương giữ vai trò chủ đạo; tăng cường huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, đẩy mạnh việc thu hút các nguồn vốn xã hội để thực hiện các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng.

5. Phân bổ vốn tập trung; không phân tán, dàn trải; bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn. Nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị đầu tư. Chỉ giao vốn cho các nhiệm vụ, dự án đã đủ thủ tục đầu tư được cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản quy định hiện hành. Các chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, các dự án mới phải bảo đảm thời gian bố trí vốn thực hiện dự án theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản quy định hiện hành.

6. Tập trung ưu tiên bố trí vốn để thực hiện, đẩy nhanh tiến độ, sớm hoàn

thành, phát huy hiệu quả các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia, dự án đường cao tốc, dự án đường sắt tốc độ cao, đường sắt đô thị, dự án kết nối, có tác động liên vùng, dự án có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, chương trình, nhiệm vụ, dự án quốc phòng, an ninh, tư pháp, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, hạ tầng số, vi mạch bán dẫn, giáo dục, đào tạo nhân lực chất lượng cao, bảo vệ chăm sóc sức khỏe nhân dân, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, sạt lở bờ sông, bờ biển, hạn hán, xâm nhập mặn, nước biển dâng, đảm bảo an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, chuyển đổi xanh.

7. Ưu tiên phân bổ vốn cho các vùng miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn, vùng thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai, góp phần thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển, thu nhập và mức sống của dân cư giữa các vùng, miền trong cả nước.

8. Thứ tự ưu tiên phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030 như sau:

a) Phân bổ đủ vốn để thanh toán toàn bộ nợ đọng xây dựng cơ bản theo quy định của Luật Đầu tư công (nếu còn);

b) Phân bổ đủ vốn để hoàn trả toàn bộ số vốn ứng trước kế hoạch nhưng chưa có nguồn để thu hồi theo quy định (nếu còn);

c) Phân bổ vốn cho dự án đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa được bố trí đủ vốn; vốn cho dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài (bao gồm cả vốn đối ứng); vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo phương thức đối tác công tư; dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong kỳ kế hoạch; dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt (chưa hoàn thành trong kỳ kế hoạch);

d) Phân bổ vốn để thực hiện nhiệm vụ quy hoạch, rà soát, điều chỉnh quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch và Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030;

đ) Phân bổ vốn chuẩn bị đầu tư (làm rõ vốn chuẩn bị đầu tư dự án dự kiến khởi công mới trong giai đoạn 2026 - 2030, vốn bố trí cho nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư cho dự án dự kiến khởi công mới trong giai đoạn 2031 - 2035);

e) Phân bổ vốn cho dự án khởi công mới đáp ứng yêu cầu quy định của Luật Đầu tư công.

g) Phân bổ vốn cho cấp bù chênh lệch lãi suất, phí quản lý, cấp vốn điều lệ cho ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

9. Bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng trong việc phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Điều 5. Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn vốn trong nước thuộc ngân sách trung ương giai đoạn 2026-2030

1. Nguyên tắc phân bổ vốn:

Thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công, Điều 4 Nghị quyết này về các nguyên tắc chung, thứ tự ưu tiên phân bổ vốn và các nguyên tắc cụ thể sau:

a) Bảo đảm tương quan hợp lý về cơ cấu phân bổ vốn đầu tư giữa các bộ, cơ quan trung ương và giữa các ngành, lĩnh vực; vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương; ưu tiên vốn để thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, dự án cụ thể bao gồm: Chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia, dự án đường cao tốc, dự án đường sắt tốc độ cao, đường sắt đô thị, dự án kết nối, có tác động liên vùng, dự án có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, chương trình, nhiệm vụ, dự án quốc phòng, an ninh, tư pháp, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, hạ tầng số, vi mạch bán dẫn, giáo dục, đào tạo nhân lực chất lượng cao, bảo vệ chăm sóc sức khỏe nhân dân, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, sạt lở bờ sông, bờ biển, hạn hán, xâm nhập mặn, nước biển dâng, đảm bảo an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, chuyển đổi xanh;

b) Vốn đầu tư công của các bộ, cơ quan trung ương, địa phương được phân bổ theo ngành, lĩnh vực theo quy định tại Điều 3 của Nghị quyết này;

c) Các nhiệm vụ, chương trình, dự án được phân bổ, giao kế hoạch vốn phải bảo đảm đầy đủ thủ tục đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công.

2. Tiêu chí, định mức phân bổ vốn giai đoạn 2026-2030:

a) Vốn đầu tư công được bố trí cho nhiệm vụ, chương trình, dự án thuộc nhiệm vụ chi đầu tư công của ngân sách trung ương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và thuộc đối tượng đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công.

b) Cơ cấu phân bổ vốn ngân sách trung ương:

(i) Dành tối đa không quá 30% để bổ sung có mục tiêu cho địa phương và được phân bổ theo ngành, lĩnh vực (không bao gồm vốn các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia và vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài).

(ii) Mức vốn còn lại được phân bổ như sau:

- Phân bổ cho các bộ, cơ quan trung ương theo ngành, lĩnh vực. Các bộ,

cơ quan trung ương chịu trách nhiệm phân bổ cụ thể cho các chương trình, dự án theo đúng quy định của pháp luật và theo các nguyên tắc, thứ tự ưu tiên quy định tại Nghị quyết này.

- Phân bổ cho các nhiệm vụ, chương trình, dự án cụ thể bao gồm: Chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia, dự án đường cao tốc, dự án đường sắt tốc độ cao, đường sắt đô thị, dự án kết nối, có tác động liên vùng, dự án có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, chương trình, nhiệm vụ, dự án quốc phòng, an ninh, tư pháp, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, hạ tầng số, vi mạch bán dẫn, giáo dục, đào tạo nhân lực chất lượng cao, bảo vệ chăm sóc sức khỏe nhân dân, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, sạt lở bờ sông, bờ biển, hạn hán, xâm nhập mặn, nước biển dâng, đảm bảo an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, chuyển đổi xanh, nghĩa vụ thanh toán của ngân sách trung ương, các chính sách khác sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn vốn nước ngoài thuộc ngân sách trung ương giai đoạn 2026-2030

1. Nguyên tắc phân bổ vốn:

Thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công, Điều 4 Nghị quyết này về các nguyên tắc chung, thứ tự ưu tiên phân bổ vốn và các nguyên tắc cụ thể sau:

a) Ưu tiên tập trung bố trí vốn để thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, dự án cụ thể bao gồm: Chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia, dự án đường cao tốc, dự án đường sắt tốc độ cao, đường sắt đô thị, dự án kết nối, có tác động liên vùng, dự án có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, chương trình, nhiệm vụ, dự án quốc phòng, an ninh, tư pháp, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, hạ tầng số, vi mạch bán dẫn, giáo dục, đào tạo nhân lực chất lượng cao, bảo vệ chăm sóc sức khỏe nhân dân, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, sạt lở bờ sông, bờ biển, hạn hán, xâm nhập mặn, nước biển dâng, đảm bảo an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, chuyển đổi xanh.

b) Vốn nước ngoài của các bộ, cơ quan trung ương, địa phương được phân bổ theo ngành, lĩnh vực theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết này.

c) Các nhiệm vụ, chương trình, dự án được giao kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách trung ương phải bảo đảm đầy đủ thủ tục đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công.

2. Tiêu chí, định mức, cơ cấu phân bổ vốn:

a) Vốn đầu tư công được bố trí cho nhiệm vụ, chương trình, dự án thuộc nhiệm vụ chi đầu tư công của ngân sách trung ương theo quy định của pháp luật

về ngân sách nhà nước, thuộc đối tượng đầu tư công quy định của Luật Đầu tư công và phù hợp với Kế hoạch tài chính quốc gia và vay, trả nợ công 05 năm.

b) Cơ cấu phân bổ vốn ngân sách trung ương:

- Ưu tiên bố trí vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 cho các dự án chuyển tiếp thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 chuyển sang (bao gồm cả dự án sử dụng vốn nước ngoài có thỏa thuận/hiệp định vay hết thời hạn hoàn thành trước 31/12/2025 nhưng vẫn còn thời hạn báo cáo chi tiêu hoàn chứng từ theo quy định của nhà tài trợ); các dự án đã đủ điều kiện bố trí vốn theo quy định của Luật Đầu tư công.

- Bố trí vốn cho các nhiệm vụ, chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bao gồm cả nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư; chương trình, dự án đã ký hiệp định/thỏa thuận ODA, vay nước ngoài hoặc đã được gia hạn hiệp định/thỏa thuận vay nhưng chưa được bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn; chương trình, dự án đã được phê duyệt chủ trương đầu tư; chương trình, dự án đã được phê duyệt quyết định đầu tư; chương trình, dự án đã được phê duyệt đề xuất dự án).

- Mức vốn còn lại (nếu có) để bố trí cho chương trình, nhiệm vụ, dự án phát sinh trong kỳ trung hạn sau khi hoàn thiện thủ tục đầu tư theo quy định.

Điều 7. Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030

1. Bảo đảm đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Luật Đầu tư công và các văn bản quy định hiện hành.

2. Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các chương trình mục tiêu quốc gia được thực hiện theo chủ trương đầu tư của từng chương trình do Quốc hội quyết định.

Điều 8. Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương cho bộ, cơ quan trung ương giai đoạn 2026-2030

1. Đối với vốn trong nước:

a) Thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết này và phân bổ theo nguyên tắc, tiêu chí cụ thể như sau:

- Ưu tiên bố trí vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 cho các dự án chuyển tiếp thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 chuyển sang; các dự án đã đủ điều kiện bố trí vốn theo quy định của Luật Đầu tư công.

- Bố trí cho các dự án mới thuộc các ngành, lĩnh vực quy định tại Điều 3 của Nghị quyết này.

b) Vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương phân bổ cho bộ, cơ quan

trung ương quy định của Luật Đầu tư công theo ngành, lĩnh vực quy định tại Điều 3 của Nghị quyết này.

2. Đối với vốn nước ngoài:

Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị quyết này.

Điều 9. Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương giai đoạn 2026-2030

1. Đối với vốn trong nước:

a) Nguyên tắc phân bổ vốn:

Thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết này và các nguyên tắc cụ thể sau:

a1) Bảo đảm tương quan hợp lý giữa việc phát triển các vùng kinh tế trọng điểm, vùng kinh tế động lực, cực tăng trưởng, các địa phương có số thu lớn, có tỷ lệ điều tiết cao về ngân sách trung ương với việc ưu tiên vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, vùng Tây Nguyên, các vùng miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các vùng khó khăn khác để góp phần thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển, thu nhập và mức sống của dân cư giữa các vùng miền trong cả nước;

a2) Các địa phương chịu trách nhiệm bố trí vốn bổ sung có mục tiêu cho các chương trình, dự án thuộc các ngành, lĩnh vực đúng quy định pháp luật theo các nguyên tắc, thứ tự ưu tiên quy định tại Nghị quyết này và sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước, tạo điều kiện để thu hút tối đa các nguồn vốn khác cho đầu tư phát triển;

Ưu tiên bố trí vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 cho các dự án chuyển tiếp thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 chuyển sang; các dự án đã đủ điều kiện bố trí vốn theo quy định của Luật Đầu tư công.

a3) Bảo đảm tính công khai, minh bạch, công bằng trong việc phân bổ vốn đầu tư công; trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả;

a4) Việc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương trong nước bổ sung có mục tiêu cho địa phương được thực hiện như sau:

Bố trí cho các nhiệm vụ, chương trình, dự án thuộc các ngành, lĩnh vực quy định tại Điều 3 của Nghị quyết này, trong đó ưu tiên đầu tư vào các công trình, dự án lớn, có tính liên vùng, liên tỉnh, liên quốc gia, quốc tế, mang tính lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương, vùng, quốc gia.

b) Tiêu chí, định mức phân bổ vốn:

b1) Vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương trong nước bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương được phân bổ theo ngành, lĩnh vực quy định

tại Điều 3 của Nghị quyết này;

b2) Vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương được phân bổ cho dự án có quy mô từ nhóm B trở lên (không bao gồm các dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia). Trường hợp khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định;

b3) Phân bổ cho các dự án thuộc các ngành, lĩnh vực của địa phương trên cơ sở tính điểm theo các tiêu chí sau:

- Tiêu chí dân số: Số dân trung bình và số người dân tộc thiểu số của các địa phương (trừ Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh);

- Tiêu chí về trình độ phát triển: Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều, số thu nội địa (không bao gồm số thu từ sử dụng đất, xổ số kiến thiết), tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương và tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương;

- Tiêu chí diện tích: Diện tích đất tự nhiên, diện tích đất trồng lúa, tỷ lệ che phủ rừng của các địa phương;

- Tiêu chí về đơn vị hành chính cấp huyện: Số đơn vị hành chính cấp huyện; số huyện miền núi; thành phố đảo; vùng cao, hải đảo; biên giới đất liền của từng địa phương;

- Các tiêu chí bổ sung, bao gồm:

- + Tiêu chí xã ATK; khu vực chịu tác động của công trình quốc phòng và khu vực quân sự nhóm đặc biệt; xã đặc biệt khó khăn vùng III;

- + Tiêu chí các xã đảo, xã biên giới đất liền, gồm: các xã biên giới Việt Nam - Trung Quốc, Việt Nam - Lào và Việt Nam - Campuchia;

- + Tiêu chí vùng, gồm: các vùng chịu tác động lớn của thiên tai, biến đổi khí hậu (mưa bão, sạt lở đất, lũ quét, sạt lở bờ sông, bờ biển, hạn hán, xâm nhập mặn, nước biển dâng,...);

- + Tiêu chí ưu tiên theo các Nghị quyết của Quốc hội.

2. Đối với vốn nước ngoài:

Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị quyết này.

Điều 10. Vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương

1. Được phân bổ theo ngành, lĩnh vực theo quy định tại Điều 3 và các nguyên tắc quy định tại Điều 4 Nghị quyết này. Ưu tiên bố trí vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 cho các dự án chuyển tiếp thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 chuyển sang; các dự án đã đủ điều kiện bố trí vốn theo quy định của Luật Đầu tư công.

2. Tập trung đầu tư vào các công trình, dự án có tính liên tỉnh, liên huyện. Đầu tư tập trung, trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả, có tính lan tỏa cao; đảm bảo

không dàn trải, manh mún.

3. Đảm bảo bố trí đủ vốn ngân sách địa phương theo chủ trương đầu tư được duyệt hoặc cam kết đối với các Chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia, dự án đường cao tốc, dự án đường sắt tốc độ cao, đường sắt đô thị, dự án kết nối, có tác động liên vùng, dự án có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, chương trình, nhiệm vụ, dự án quốc phòng, an ninh, tư pháp, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, hạ tầng số, vi mạch bán dẫn, giáo dục, đào tạo nhân lực chất lượng cao, bảo vệ chăm sóc sức khỏe nhân dân, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống, khắc phục hậu quả của thiên tai, sạt lở bờ sông, bờ biển, hạn hán, xâm nhập mặn, nước biển dâng, đảm bảo an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, chuyển đổi xanh, các chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài.

4. Kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2026 được xây dựng phù hợp với quy định của pháp luật về đầu tư công và ngân sách nhà nước, dự kiến nguồn thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp, số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương (nếu có), phù hợp với định hướng mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030 và mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể phát triển kinh tế - xã hội của năm 2026; kết quả thực hiện dự toán ngân sách của địa phương năm 2024, ước thực hiện năm 2025.

5. Kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách địa phương từ năm 2027 đến năm 2030 được xác định từng năm trên cơ sở tốc độ tăng trưởng bình quân 05 năm vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương so với vốn đầu tư công năm 2026 (không bao gồm số thu sử dụng đất, xỏ số kiến thiết theo báo cáo của các địa phương).

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Trách nhiệm của Chính phủ

1. Tổ chức và chỉ đạo các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở Trung ương và địa phương triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Báo cáo tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết này theo yêu cầu của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

3. Trong trường hợp bổ sung hoặc sửa đổi các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030 ngoài các quy định tại Nghị quyết này, Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định.

Điều 12. Trách nhiệm của Thủ tướng Chính phủ

1. Quy định chi tiết định mức phân bổ đối với từng tiêu chí, các mốc thời gian, cơ quan cung cấp số liệu làm căn cứ để xác định vốn đầu tư công nguồn

ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương trong giai đoạn 2026-2030; xác định tốc độ tăng trưởng bình quân 05 năm vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương so với vốn đầu tư công năm 2026.

2. Trên cơ sở kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 được cấp có thẩm quyền giao, quy định tại Nghị quyết này, Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết về nguyên tắc, thứ tự ưu tiên phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước hằng năm, bảo đảm công khai, minh bạch trong việc phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

3. Quy định chi tiết việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 13 Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và áp dụng cho các năm ngân sách giai đoạn 2026-2030.

2. Trường hợp Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn luật mới ban hành có quy định khác về ngành, lĩnh vực đang quy định tại Điều 3 Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn luật mới.

Điều 14. Giám sát việc thực hiện Nghị quyết

Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ủy ban Tài chính, Ngân sách, Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban khác của Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội giám sát việc thực hiện Nghị quyết này trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật.

**TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH**

Trần Thanh Mẫn

Số: /BC-BKHĐT
DỰ THẢO

Hà Nội, ngày tháng 9 năm 2024

BÁO CÁO

Đánh giá tác động Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030

Kính gửi: Chính phủ.

I. CÁC VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT

Theo quy định tại Điều 51 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14, nguyên tắc bố trí vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm cho chương trình, dự án phải tuân thủ nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn được cấp có thẩm quyền quyết định. Theo quy định tại Khoản 5 Điều 20 Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13, Ủy ban Thường vụ Quốc hội có thẩm quyền quyết định “Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ Ngân sách nhà nước”. Tại Khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 974/2020/UBTVQH14 ngày 13/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã giao Chính phủ xây dựng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước (bao gồm chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên) đối với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Do vậy, việc trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030 là phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các Nghị quyết của Quốc hội. Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội cần giải quyết các vấn đề sau:

1. Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội phải bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công và pháp luật khác có liên quan đến đầu tư công.

2. Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội cần xác định được các định hướng, lĩnh vực tập trung ưu tiên đầu tư trong giai đoạn 2026-2030, phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 10 năm 2021-2030, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2026-2030, các Nghị quyết của Bộ Chính trị về phát triển các ngành, lĩnh vực, địa phương, Nghị quyết của Quốc hội về việc áp dụng thí điểm một số cơ chế đặc thù, các quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khắc phục một số hạn chế tại Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14, gồm: (i) Bổ sung, hoàn thiện, làm rõ quy định về phân loại ngành, lĩnh vực; (ii) Đảm bảo vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương, chủ động xử lý những vấn đề phát sinh trong quá trình thực

hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn; (iii) Quy định rõ nguyên tắc bố trí vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài đảm bảo nâng cao hiệu quả sử dụng vốn vay; (iv) Phân bổ cân đối ngân sách địa phương hợp lý, tăng tính chủ động cho các địa phương trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao, khắc phục tình trạng dàn trải trong bố trí vốn ngân sách địa phương.

II. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT ĐƯỢC CỦA VIỆC XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI VỀ NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2026-2030

Việc xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030 là căn cứ cho việc lập kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030, phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2026-2030; tạo động lực cho phát triển kinh tế, bố trí vốn có trọng tâm, trọng điểm để thực hiện các nhiệm vụ, dự án mang tính chiến lược, tiếp tục khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, phân tán, đồng thời nâng cao tính công khai, minh bạch trong quản lý, sử dụng nguồn vốn đầu tư công, góp phần tích cực vào việc chống thất thoát, lãng phí. Các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030 phải bảo đảm các nguyên tắc sau:

1. Việc xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn phải nhằm thực hiện các mục tiêu, định hướng Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030; quy hoạch cấp quốc gia và các quy hoạch vùng, tỉnh được phê duyệt.

2. Phù hợp với các quy định của Luật Đầu tư công và pháp luật liên quan.

3. Nâng cao hiệu quả đầu tư từ nguồn vốn nhà nước, bố trí vốn có trọng tâm, trọng điểm để thực hiện các nhiệm vụ, dự án mang tính chiến lược, hạn chế việc đầu tư dàn trải, thất thoát và đảm bảo tính minh bạch, công khai trong hoạt động đầu tư sử dụng nguồn vốn nhà nước, góp phần tích cực vào công tác cải cách hành chính và phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

4. Kế thừa các ưu điểm, kết quả đạt được, khắc phục các hạn chế trong quá trình thực hiện Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ để xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước cho giai đoạn 05 năm 2026-2030.

III. CÁC PHƯƠNG ÁN GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VÀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CÁC PHƯƠNG ÁN

1. Về phân loại các dự án theo ngành, lĩnh vực:

a) *Xác định vấn đề:* Theo quy định tại Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, chi đầu tư phát triển vốn ngân sách nhà nước được phân bổ theo 13 lĩnh

vực. Tại Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 đã quy định chi tiết nội hàm của từng ngành, lĩnh vực sử dụng vốn đầu tư công.

Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và dự báo trong giai đoạn 2026-2030 có một số lĩnh vực, nội dung mới phát sinh trong thực tiễn, cần thiết bố trí vốn đầu tư công, nhưng chưa được quy định trong nội hàm 13 ngành, lĩnh vực tại Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề: bổ sung, hoàn thiện quy định về các ngành, lĩnh vực phù hợp với thực tiễn và các quy định liên quan của pháp luật.

c) Phương hướng giải quyết vấn đề: rà soát, bổ sung, điều chỉnh quy định về nội hàm của 13 ngành, lĩnh vực đã được quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14.

d) Đánh giá tác động của các giải pháp và kiến nghị lựa chọn: Việc thực hiện giải pháp góp phần tạo cơ sở pháp lý thống nhất, đồng bộ trong quản lý, báo cáo cấp có thẩm quyền về nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước.

2. Về bố trí vốn có trọng tâm, trọng điểm để thực hiện các nhiệm vụ, dự án mang tính chiến lược:

a) Xác định vấn đề: trong giai đoạn 2021-2025, ngân sách trung ương đã tập trung nguồn lực một cách có trọng tâm, trọng điểm để triển khai những nhiệm vụ lớn, tạo ra những đột phá trong hoàn thiện cơ sở hạ tầng. Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã dành gần 30% tổng vốn ngân sách trung ương để triển khai các dự án quan trọng quốc gia, dự án trọng điểm, quan trọng, đường cao tốc, dự án có tính chất lan tỏa, kết nối, liên kết vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững. Trong giai đoạn 2026-2030 cần thiết tiếp tục có định hướng tập trung nguồn vốn ngân sách nhà nước để đầu tư các nhiệm vụ, dự án mang tính chiến lược.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề: Bảo đảm bố trí vốn tập trung, hiệu quả có trọng tâm, trọng điểm để thực hiện các nhiệm vụ, dự án mang tính chiến lược, trên cơ sở thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2026-2030, các quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Phương hướng giải quyết vấn đề: Xác định và quy định cụ thể trong Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội các định hướng lớn, lĩnh vực ưu tiên đầu tư trong giai đoạn 2026-2030.

d) Đánh giá tác động của các giải pháp và kiến nghị lựa chọn: Việc thực hiện giải pháp nêu trên phù hợp với thực tiễn, khắc phục mạnh mẽ tình trạng bố trí vốn dàn trải, thể hiện vai trò, chức năng của ngân sách nhà nước, tập trung tạo đột phá để phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

3. Về nguyên tắc chung về phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030:

a) Xác định vấn đề: Luật Đầu tư công đã quy định các nguyên tắc, điều kiện bố trí kế hoạch đầu tư công trung hạn nhưng do nhu cầu đầu tư dự báo lớn hơn khả năng cân đối ngân sách nên việc lựa chọn dự án vào kế hoạch đầu tư công trung hạn khó khăn, cần thiết có tiêu chí để so sánh mức độ cấp thiết, tính hiệu quả dự án. Đồng thời, việc hoàn thiện thủ tục đầu tư tất cả các dự án ngay từ đầu kỳ kế hoạch đầu tư trung hạn khó khăn, trong 05 năm thực hiện sẽ có những vấn đề mới phát sinh, nếu phân bổ hết ngay từ đầu kỳ kế hoạch trung hạn sẽ không còn nguồn cho nhiệm vụ phát sinh, dự án khẩn cấp.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề: Xây dựng các nguyên tắc chung để áp dụng trong phân bổ vốn ngân sách nhà nước.

c) Phương hướng giải quyết vấn đề: Việc xây dựng các nguyên tắc chung phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước cho các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương được quán triệt và thực hiện đúng theo các quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật có liên quan. Đồng thời, quy định nguyên tắc được chủ động để dành một khoản vốn ngân sách trung ương chưa phân bổ ở trung ương và trong từng bộ, cơ quan trung ương và địa phương trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 để phân bổ cho các nhiệm vụ, chương trình, dự án chưa kịp hoàn thiện thủ tục đầu tư, dự án đầu tư công khẩn cấp và xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn.

d) Đánh giá tác động của các giải pháp và kiến nghị lựa chọn: Việc thực hiện giải pháp nêu trên góp phần nâng cao hiệu quả đầu tư, tạo sự chủ động trong điều hành kế hoạch đầu tư công trung hạn.

4. Về phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương:

a) Xác định vấn đề: Trong thời gian qua, Quốc hội đã có một số nghị quyết về chính sách đặc thù phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của một số địa phương, trong đó có quy định một số chính sách đặc thù liên quan đến phân bổ vốn ngân sách nhà nước.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề: Dự thảo Nghị quyết cần bổ sung quy định về tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương để đảm bảo cụ thể hóa, triển khai thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội về chính sách đặc thù phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của các địa phương.

c) Phương hướng giải quyết vấn đề: Bổ sung quy định về tiêu chí ưu tiên địa phương theo các Nghị quyết của Quốc hội, tiêu chí tính điểm đối với khu vực chịu tác động của công trình quốc phòng và khu vực quân sự nhóm đặc biệt.

d) Đánh giá tác động của các giải pháp và kiến nghị lựa chọn: Việc thực hiện chính sách này tạo nguồn lực để bố trí vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương để triển khai thực hiện các nhiệm vụ, dự án nhằm thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội.

5. Về quy định phân bổ vốn nước ngoài nguồn ngân sách trung ương:

a) Xác định vấn đề: Trong giai đoạn 2021-2025, Việc bố trí vốn nước ngoài chưa phù hợp với khả năng thực hiện, giải ngân dẫn tới tỷ lệ giải ngân vốn nước ngoài còn thấp. Các dự án triển khai rất chậm, quy trình, thủ tục đầu tư, giải ngân vẫn trải qua nhiều khâu, nhiều bước, thiếu đồng bộ giữa quy định của Việt Nam và nhà tài trợ.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề: Dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc phân bổ vốn nước ngoài nguồn ngân sách trung ương phải đảm bảo:

- Định hướng sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài trong giai đoạn 2026-2030, nhu cầu của các bộ, cơ quan trung ương, địa phương đối với các dự án đang triển khai, chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025, các dự án đã ký hiệp định.

- Số vốn còn lại chưa phân bổ để phục vụ cho việc làm thủ tục phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư các chương trình, dự án mới sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài dự kiến bổ sung vào kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026-2030, bổ sung các dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại phát sinh trong kế hoạch trung hạn.

c) Phương hướng giải quyết vấn đề: Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương rà soát, bố trí đủ vốn cho các dự án đang triển khai, các dự án đã ký Hiệp định với nhà tài trợ, có khả năng thực hiện và giải ngân trong giai đoạn 2026-2030. Đối với hạn mức vốn nước ngoài chưa phân bổ, được quản lý tập trung tại cấp trung ương, và sẽ phân bổ cho các dự án sử dụng vốn ODA khi đủ điều kiện trong kỳ kế hoạch.

d) Đánh giá tác động của các giải pháp và kiến nghị lựa chọn: Việc thực hiện chính sách này tạo cơ sở pháp lý để bố trí vốn cho các dự án phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn, tránh tình trạng vốn chờ thủ tục trong kỳ kế hoạch trung hạn.

6. Về phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương:

a) Xác định vấn đề: việc phân bổ vốn đầu tư nguồn ngân sách địa phương trong giai đoạn 2021-2025 vẫn còn tình trạng dàn trải, số lượng dự án thực hiện trong kỳ tương đối lớn, bố trí vốn chưa đảm bảo trọng tâm, trọng điểm, còn tình trạng địa phương chưa bố trí đủ vốn ngân sách địa phương tham gia các dự án trọng điểm, liên vùng theo cam kết.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề: Quy định cụ thể về nguyên tắc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương.

c) Phương hướng giải quyết vấn đề: Dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc phân bổ vốn cân đối ngân sách địa phương:

- Tập trung đầu tư vào các công trình, dự án có tính liên tỉnh, liên huyện. Đầu tư tập trung, trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả, có tính lan tỏa cao; đảm bảo không dàn trải, manh mún.

- Đảm bảo bố trí đủ vốn ngân sách địa phương theo chủ trương đầu tư được duyệt hoặc cam kết đối với các Chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia, dự án đường cao tốc, dự án đường sắt tốc độ cao, đường sắt đô thị, dự án kết nối, có tác động liên vùng, dự án có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững.

d) Đánh giá tác động của giải pháp và kiến nghị lựa chọn: Khắc phục tình trạng bố trí kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương dàn trải, manh mún, tập trung vốn để thực hiện các dự án có tính liên tỉnh, liên huyện. Đầu tư tập trung, trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả, có tính lan tỏa cao.

IV. KẾT LUẬN

Tóm lại, những nội dung quy định tại Nghị quyết có tác động lớn đến công tác quản lý vốn đầu tư công, phân bổ, sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư công, tăng cường phân cấp, minh bạch và cải cách thủ tục hành chính, tháo gỡ khó khăn cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương trong triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm. Trong quá trình xây dựng Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tổng hợp ý kiến tham gia của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương. Trên cơ sở các ý kiến tham vấn, kết hợp với tham khảo kết quả nghiên cứu của một số tổ chức quốc tế, kinh nghiệm quốc tế về các vấn đề liên quan để tổng hợp và hoàn thành Báo cáo đánh giá tác động này.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ KHĐT: các Lãnh đạo Bộ, Vụ PC;
- Lưu: VT, Vụ TH.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Chí Dũng

TỔNG HỢP, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG, ĐỊA PHƯƠNG VỀ DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI QUY ĐỊNH VỀ NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-BKHĐT ngày tháng 9 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

STT	Bộ, cơ quan trung ương, và địa phương	Văn bản (số, ngày tháng năm)	Nội dung ý kiến, góp ý, kiến nghị	Giải trình, tiếp thu	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
A	THỐNG NHẤT VỚI DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT, KHÔNG CÓ Ý KIẾN BỔ SUNG HOẶC Ý KIẾN THAM GIA				
1	Thái Bình	1640/SKHĐT-TH (18/07/2024)	Thống nhất với toàn bộ nội dung dự thảo Nghị quyết		
2	Bình Thuận	3226/SKHĐT-KH (19/07/2024)	Thống nhất với toàn bộ nội dung dự thảo Nghị quyết		
3	Đồng Nai	3610/SKHĐT-TĐ (18/07/2024)	Thống nhất với toàn bộ nội dung dự thảo Nghị quyết		
4	Đắk Nông	1538//SKH-THQH (11/07/2024)	Thống nhất với toàn bộ nội dung dự thảo Nghị quyết		Có 1 văn bản thống nhất và 1 văn bản góp ý
5	Bà Rịa - Vũng Tàu	10281/UBND-VP (24/07/2024)	Thống nhất với toàn bộ nội dung dự thảo Nghị quyết		
6	Đà Nẵng	4004/UBND-SKHĐT (23/07/2024)	Thống nhất với toàn bộ nội dung dự thảo Nghị quyết		
7	Hung Yên	1986/SKHĐT-THQH (24/07/2024)	Thống nhất với toàn bộ nội dung dự thảo Nghị quyết		
8	Lâm Đồng	1455/KHĐT-ĐTĐĐ (19/07/2024)	Thống nhất với toàn bộ nội dung dự thảo Nghị quyết		
9	Quảng Bình	1367/UBND-TH (23/07/2024)	Thống nhất với toàn bộ nội dung dự thảo Nghị quyết		
10	Quảng Nam	2091/SKHĐT-QHTH (19/07/2024)	Thống nhất với toàn bộ nội dung dự thảo Nghị quyết		
11	Bình Phước	3048/UBND-TH (31/07/2024)	Thống nhất với toàn bộ nội dung dự thảo Nghị quyết		
12	Quảng Ngãi	1267/SKHĐT-TH (19/07/2024)	Thống nhất với toàn bộ nội dung dự thảo Nghị quyết		
13	Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	3958-CV/TWĐTN-VP (18/07/2024)	Thống nhất với toàn bộ nội dung dự thảo Nghị quyết		
14	Bộ Nội vụ	4098/BNV-KHTC (15/07/2024)	Thống nhất với toàn bộ nội dung dự thảo Nghị quyết		
15	Hội Nông dân Việt Nam	571-CV/HNDTW (17/07/2024)	Thống nhất với toàn bộ nội dung dự thảo Nghị quyết		
16	Hội Nhà văn Việt Nam	79/CV-HNV (15/07/2024)	Thống nhất với toàn bộ nội dung dự thảo Nghị quyết		
17	Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam	1691/TLĐ-TC (17/07/2024)	Thống nhất với toàn bộ nội dung dự thảo Nghị quyết		
18	Ủy ban Dân tộc	1212/UBNDT-KHTC (16/07/2024)	Thống nhất với toàn bộ nội dung dự thảo Nghị quyết		
19	Văn phòng Chủ tịch nước	706/VPCTN-QTTV (15/07/2024)	Thống nhất với toàn bộ nội dung dự thảo Nghị quyết		
20	Viện hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	1695/VHL-KHTC (19/07/2024)	Thống nhất với toàn bộ nội dung dự thảo Nghị quyết		
21	Viện hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam	1081/KHXH-KHTC (11/07/2024)	Thống nhất với toàn bộ nội dung dự thảo Nghị quyết		
22	Bộ Quốc phòng	2851/BQP-KHĐT (21/07/2024)	Thống nhất với toàn bộ nội dung dự thảo Nghị quyết		
23	Đài Truyền hình Việt Nam	935/THVN-KHTC (19/07/2024)	Thống nhất với toàn bộ nội dung dự thảo Nghị quyết		
24	Văn phòng Trung ương Đảng	3105-CV/VPTW/nb (17/07/2024)	Thống nhất với toàn bộ nội dung dự thảo Nghị quyết		

STT	Bộ, cơ quan trung ương, và địa phương	Văn bản (số, ngày tháng năm)	Nội dung ý kiến, góp ý, kiến nghị	Giải trình, tiếp thu	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
25	Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	1307/DHQG-KHĐT (24/07/2024)	Thống nhất với toàn bộ nội dung dự thảo Nghị quyết		
26	Mặt trận tổ quốc Việt Nam	8608/MTTW-BTT (17/07/2024)	Thống nhất với toàn bộ nội dung dự thảo Nghị quyết		
27	Ngân hàng Chính sách xã hội	4287/NHCS-KHNV (19/07/2024)	Thống nhất với toàn bộ nội dung dự thảo Nghị quyết		
28	Tập đoàn điện lực Việt Nam	4089/EVN-KH (22/07/2024)	Thống nhất với toàn bộ nội dung dự thảo Nghị quyết		
29	Thông tấn xã Việt Nam	847/TTX-KHTC (24/07/2024)	Thống nhất với toàn bộ nội dung dự thảo Nghị quyết		
30	Viện kiểm sát nhân dân tối cao	3151/VKSTC-C3 (26/07/2024)	Thống nhất với toàn bộ nội dung dự thảo Nghị quyết		
31	Văn phòng Chính phủ	5290/VPCP-KHTC (25/07/2024)	Thống nhất với toàn bộ nội dung dự thảo Nghị quyết		
32	Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh	1315/BQLL-VP (29/07/2024)	Thống nhất với toàn bộ nội dung dự thảo Nghị quyết		
33	Bộ Tài nguyên và Môi trường	4965/BTNMT-KHTC (26/07/2024)	Thống nhất với toàn bộ nội dung dự thảo Nghị quyết		
34	Liên minh Hợp tác xã Việt Nam	534/TTLMHTXVN-KHHT (30/07/2024)	Thống nhất với toàn bộ nội dung dự thảo Nghị quyết		
35	Bộ Giao thông vận tải	8232/BGTVT-KHĐT (02/08/2024)	Thống nhất với toàn bộ nội dung dự thảo Nghị quyết		
36	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	5702/BNN-KH (06/08/2024)	Thống nhất với toàn bộ nội dung dự thảo Nghị quyết		
37	Đại học Quốc gia Hà Nội	3601/DHQGHN-KHTC ngày 02/8/2024	Thống nhất với toàn bộ nội dung dự thảo Nghị quyết		
38	Hội Nhà báo Việt Nam	374/CV-HNBVN (07/8/2024)	Thống nhất với toàn bộ nội dung dự thảo Nghị quyết		
39	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	543-CV/HVCTQG ngày 26/7/2024	Thống nhất với toàn bộ nội dung dự thảo Nghị quyết		
B Ý KIẾN GÓP Ý CỦA BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG, ĐỊA PHƯƠNG					
I Ý KIẾN CHUNG					
1	<i>Về thể thức, kỹ thuật trình bày</i>				
	Thái Nguyên	2914/SKHĐT-THQH	Đề nghị rà soát để đảm bảo thực hiện đúng quy định về thể thức ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội theo Nghị quyết số 351/2017/UBTVQH14: Điểm b khoản 2 Điều 5, điểm b khoản 2 Điều 6, điểm c khoản 2 Điều 9 sử dụng các dấu gạch đầu dòng để thể hiện các ý trong một điểm là chưa phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị quyết số 351/2017/UBTVQH14 ngày 14/3/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư xin tiếp thu, hoàn thiện tại dự thảo Nghị quyết	
	Điện Biên	3320/UBND-TH (25/07/2024)	Đề nghị thống nhất sử dụng kỹ thuật viện dẫn các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư xin tiếp thu, hoàn thiện tại dự thảo Nghị quyết	
	<i>Điểm n khoản 10 Điều 3. "Công trình công cộng tại các đô thị"</i>				
	Long An	2892/SKHĐT-TH (17/07/2024)	Đề nghị ghi lại thành “hạ tầng kinh tế kỹ thuật, công trình công cộng tại các đô thị, khu tái định cư”. Lý do: để các địa phương thuận lợi trong việc thực hiện các dự án khu tái định cư phục vụ cho các dự án đầu tư khác có bồi thường, giải phóng mặt bằng và hạn chế phải giải trình cơ quan thanh tra, kiểm toán trong quá trình thực hiện các dự án.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư xin tiếp thu, hoàn thiện tại dự thảo Nghị quyết	

STT	Bộ, cơ quan trung ương, và địa phương	Văn bản (số, ngày tháng năm)	Nội dung ý kiến, góp ý, kiến nghị	Giải trình, tiếp thu	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
2	Quảng Trị	3318/UBND-TH (19/07/2024)	Đề nghị giải thích, làm rõ đối tượng của ngành	Các đối tượng đầu tư của ngành, lĩnh vực đã được quy định, giải thích cụ thể tại Điều 3 dự thảo Nghị quyết	
	Quảng Ninh	3055/KHĐT-THQH (20/07/2024)	Đề nghị liệt kê các công trình công cộng hoặc chỉ dẫn căn cứ áp dụng. Lý do: Hiện nay chưa có định nghĩa về công trình công cộng tại đô thị. Một số công trình công cộng đã ở trong các mục khác như y tế, giáo dục, thể thao, văn hoá, giao thông ... Công trình công cộng ở nông thôn có được đầu tư không?	Công trình công cộng đã được quy định tại Luật Xây dựng, khoản 2 Mục 1 Phụ lục I Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.	
<i>Vùng Đồng bằng sông Cửu Long</i>					
	Hậu Giang	1429/SKHĐT-THQH	Hiện là vùng có kinh tế phát triển chậm so với cả nước, thường xuyên bị ảnh hưởng bởi xâm nhập mặn, hạn hán, sạt lở bờ sông, biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Tuy nhiên, theo dự thảo chưa được ưu tiên phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030, để từng bước khắc phục tình trạng trên và thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển trong thời gian tới, đề nghị bổ sung ưu tiên bố trí vốn cho Đồng bằng sông Cửu Long tại khoản 7, Điều 4 của dự thảo.	Giai đoạn 2021-2025, vùng Đồng bằng sông Cửu Long đã được ưu tiên bố trí vốn ngân sách trung ương thông qua phương pháp ưu tiên tính điểm theo tiêu chí để xử lý các vấn đề về hạ tầng giao thông, phòng chống xâm, nhập mặn, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng...; Ngoài ra, khu vực này cũng được Thủ tướng Chính phủ, các bộ, cơ quan trung ương quan tâm đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, đường cao tốc, trọng điểm của ngành trên địa bàn. Trong giai đoạn 2026-2030, để cơ bản tương quan nguồn vốn giữa các vùng, khu vực, cần thiết xem xét, ưu tiên bố trí vốn cho vùng, khu vực khác mà giai đoạn trước đây chưa được ưu tiên, quan tâm như Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, Vùng Tây Nguyên (khu vực có địa hình đồi, núi hiểm trở, gồm nhiều địa phương khó khăn, tập trung nhiều đồng bào dân tộc thiểu số).	

STT	Bộ, cơ quan trung ương, và địa phương	Văn bản (số, ngày tháng năm)	Nội dung ý kiến, góp ý, kiến nghị	Giải trình, tiếp thu	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
	Kiên Giang	1567/UBND-KT (23/07/2024)	Tại điểm a khoản 1 Điều 9 của dự thảo Nghị quyết, đề nghị bổ sung như sau: “a) Bảo đảm tương quan hợp lý giữa việc phát triển các vùng kinh tế trọng điểm, vùng kinh tế động lực, cực tăng trưởng, các địa phương có số thu lớn, có tỷ lệ điều tiết cao về ngân sách trung ương với việc ưu tiên vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, vùng Tây Nguyên, vùng đồng bằng sông Cửu Long, các vùng miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các vùng khó khăn khác để góp phần thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển, thu nhập và mức sống của dân cư giữa các vùng miền trong cả nước”; * Cơ sở đề xuất: - Xuất phát từ vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng của Vùng đồng bằng sông Cửu Long và thực trạng phát triển của Vùng, Bộ Chính trị khóa XIII đã ban hành Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02/4/2022 về phương hướng và Phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28/02/2022 phê duyệt quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 78/NQ-CP ngày 18/6/2023 ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02/4/2022 của Bộ Chính trị với 06 nhóm nhiệm vụ, giải pháp, 26 nhiệm vụ, đề án, 07 dự án kết cấu hạ tầng trọng điểm, kết nối; trong đó có nhiệm vụ về bảo cáo điều chỉnh, bổ sung cơ chế chính sách đặc thù phát triển vùng đồng bằng sông Cửu Long. - Bên cạnh đó, Vùng đồng bằng sông Cửu Long: (1) thuộc đối tượng quy định tại khoản 7 Điều 4 dự thảo Nghị quyết (2) là vựa lúa lớn nhất cả nước, góp phần đảm bảo an ninh lương thực theo Kết luận số 81-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 34/NQ-CP ngày 25/3/2021 của Chính phủ về đảm bảo an ninh lương thực quốc gia đến năm 2030, nội dung này có nêu trong dự thảo Nghị quyết.	Giai đoạn 2021-2025, vùng Đồng bằng sông Cửu Long đã được ưu tiên bố trí vốn ngân sách trung ương thông qua phương pháp ưu tiên tính điểm theo tiêu chí để xử lý các vấn đề về hạ tầng giao thông, phòng chống xâm, nhập mặn, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng...; Ngoài ra, khu vực này cũng được Thủ tướng Chính phủ, các bộ, cơ quan trung ương quan tâm đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, đường cao tốc, trọng điểm của ngành trên địa bàn. Trong giai đoạn 2026-2030, để cơ bản tương quan nguồn vốn giữa các vùng, khu vực, cần thiết xem xét, ưu tiên bố trí vốn cho vùng, khu vực khác mà giai đoạn trước đây chưa được ưu tiên, quan tâm như Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, Vùng Tây Nguyên (khu vực có địa hình đồi, núi hiểm trở, gồm nhiều địa phương khó khăn, tập trung nhiều đồng bào dân tộc thiểu số).	
	An Giang	1003/UBND-KTTH (25/07/2024)	Đề nghị bổ sung vùng Đồng bằng sông Cửu Long (tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội); là vùng ưu tiên bố trí nguồn lực để góp phần thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển, kết cấu hạ tầng, mức sống giữa các vùng miền trong cả nước	Giai đoạn 2021-2025, vùng Đồng bằng sông Cửu Long đã được ưu tiên bố trí vốn ngân sách trung ương thông qua phương pháp ưu tiên tính điểm theo tiêu chí để xử lý các vấn đề về hạ tầng giao thông, phòng chống xâm, nhập mặn, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng...; Ngoài ra, khu vực này cũng được Thủ tướng Chính phủ, các bộ, cơ quan trung ương quan tâm đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, đường cao tốc, trọng điểm của ngành trên địa bàn. Trong giai đoạn 2026-2030, để cơ bản tương quan nguồn vốn giữa các vùng, khu vực, cần thiết xem xét, ưu tiên bố trí vốn cho vùng, khu vực khác mà giai đoạn trước đây chưa được ưu tiên, quan tâm như Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, Vùng Tây Nguyên (khu vực có địa hình đồi, núi hiểm trở, gồm nhiều địa phương khó khăn, tập trung nhiều đồng bào dân tộc thiểu số).	

STT	Bộ, cơ quan trung ương, và địa phương	Văn bản (số, ngày tháng năm)	Nội dung ý kiến, góp ý, kiến nghị	Giải trình, tiếp thu	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
3	Đồng Tháp	1972/SKHĐT-ĐTCT	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp kính đề nghị tiếp tục đề xuất bổ sung đối tượng ưu tiên vùng Đồng bằng sông Cửu Long trong giai đoạn 2026-2030, để có sự đầu tư mạnh mẽ hơn về hạ tầng, cải thiện các chính sách quản lý và phát triển kinh tế bền vững, đồng thời tăng cường các biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu của khu vực.	Giai đoạn 2021-2025, vùng Đồng bằng sông Cửu Long đã được ưu tiên bố trí vốn ngân sách trung ương thông qua phương pháp ưu tiên tính điểm theo tiêu chí để xử lý các vấn đề về hạ tầng giao thông, phòng chống xâm, nhập mặn, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng...; Ngoài ra, khu vực này cũng được Thủ tướng Chính phủ, các bộ, cơ quan trung ương quan tâm đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, đường cao tốc, trọng điểm của ngành trên địa bàn. Trong giai đoạn 2026-2030, để cơ bản tương quan nguồn vốn giữa các vùng, khu vực, cần thiết xem xét, ưu tiên bố trí vốn cho vùng, khu vực khác mà giai đoạn trước đây chưa được ưu tiên, quan tâm như Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, Vùng Tây Nguyên (khu vực có địa hình đồi, núi hiểm trở, gồm nhiều địa phương khó khăn, tập trung nhiều đồng bào dân tộc thiểu số).	
	Tiền Giang	2024/SKH&ĐT, TĐ&GSĐT (23/07/2024)	Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 (trong đó có ưu tiên vùng Đồng bằng sông Cửu Long); Nghị quyết số 41/NQ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 3 năm 2021 (đồng ý về nguyên tắc vay vốn ODA, vay ưu đãi nước ngoài trị giá khoảng 02 tỷ USD cho mục tiêu đầu tư phát triển bền vững vùng Đồng bằng sông Cửu Long).... nhưng đến tháng 7/2024 vẫn chưa được triển khai thực hiện các dự án. - Hiện nay và dự báo trong tương lai vùng Đồng bằng sông Cửu Long đang đối diện với các thách thức về: (i) An ninh nguồn nước, thiếu nguồn nước ngọt trong mùa khô đã hiện diện, không chỉ xảy ra ở những năm cực hạn, mà còn có thể xảy ra ở những năm bình thường; (ii) Ngập nước, là một vấn nạn nghiêm trọng trong tương lai khi phải chịu hai tác động tiêu cực là nước biển dâng và lún sụt đất; (iii) Suy thoái đất nông nghiệp do diện tích đang bị suy giảm và do lún đất. - Ngoài ra, tình hình sạt lở bờ sông, bờ biển tại các địa phương trong vùng đang diễn biến rất phức tạp, ảnh hưởng rất lớn đến tài sản và tính mạng của người dân, cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội của các tỉnh, thành phố trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long. - Bên cạnh đó, cơ sở hạ tầng giao thông, thủy lợi, cấp nước, năng lượng, xã hội... của vùng Đồng bằng sông Cửu Long vẫn còn nhiều hạn chế, khó khăn do đó nhu cầu đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật của vùng theo Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Giai đoạn 2021-2025, vùng Đồng bằng sông Cửu Long đã được ưu tiên bố trí vốn ngân sách trung ương thông qua phương pháp ưu tiên tính điểm theo tiêu chí để xử lý các vấn đề về hạ tầng giao thông, phòng chống xâm, nhập mặn, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng...; Ngoài ra, khu vực này cũng được Thủ tướng Chính phủ, các bộ, cơ quan trung ương quan tâm đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, đường cao tốc, trọng điểm của ngành trên địa bàn. Trong giai đoạn 2026-2030, để cơ bản tương quan nguồn vốn giữa các vùng, khu vực, cần thiết xem xét, ưu tiên bố trí vốn cho vùng, khu vực khác mà giai đoạn trước đây chưa được ưu tiên, quan tâm như Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, Vùng Tây Nguyên (khu vực có địa hình đồi, núi hiểm trở, gồm nhiều địa phương khó khăn, tập trung nhiều đồng bào dân tộc thiểu số).	